

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng 11 năm 2021

Số: /LĐTBXH-CSLĐ
V/v: Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ người
dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19
theo Nghị quyết số 126/NQ-CP và
Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh;

Thực hiện chỉ đạo tại Công văn số 14163/UBND-KGVX ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg, căn cứ nhiệm vụ được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai, hướng dẫn một số nội dung sửa đổi, bổ sung về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg như sau :

1. Chính sách “Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do đại dịch COVID-19”

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg: Việc xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc người sử dụng lao động đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 02a tại Phụ lục ban hành theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg (đính kèm Mẫu số 02a).

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg: Về địa điểm nộp hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chính nay sửa đổi bổ sung có thể gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội **nơi người sử dụng lao động đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động** và người sử dụng lao động có thể nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ thành các đợt khác nhau để phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh và việc sử dụng lao động. Người lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng 01 lần theo chính sách này.”

2. Chính sách “Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương”

2.1. Về điều kiện hỗ trợ tại Điều 13 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung như sau:

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động phải tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do thuộc một trong các trường hợp sau: Phải điều trị COVID-19, cách ly y tế, trong các khu vực bị phong tỏa, không thể đến địa điểm làm việc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19; do người sử dụng lao động bị tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt

động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết 128/NQ-CP hoặc bố trí lại sản xuất, lao động để phòng, chống dịch COVID-19 được hỗ trợ khi đủ các điều kiện sau:

- Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021.

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) **tại tháng người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương** hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

Như vậy, chính sách hỗ trợ lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng đối tượng hưởng chính sách là “người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, đang tham gia BHXH bắt buộc” chứ không quy định cụ thể làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục... như Quyết định 23/2021/QĐ-TTg đồng thời mở rộng lý do người lao động phải tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương nhưng vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ.

2.2. Hồ sơ đề nghị, sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 và khoản 3 Điều 15 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg:

- Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương. Trường hợp do dịch bệnh hoặc nguyên nhân bất khả kháng không thể thỏa thuận bằng văn bản, người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận bằng các hình thức khác (qua điện thoại, tin nhắn, thư điện tử,...), sau khi có sự thống nhất thỏa thuận về việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương giữa hai bên thì người sử dụng lao động ghi rõ cách thức thỏa thuận vào cột “Ghi chú” tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung thỏa thuận.

- Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg thì bổ sung thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Trình tự thủ tục tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung như sau:

- Người sử dụng lao động lập danh sách, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về danh sách người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 15 theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ

ngày nhận được đề nghị, cơ quan BHXH xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

- Người sử dụng lao động gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 15 theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg đến UBND cấp huyện nơi đặt trụ sở chính **hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh**. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31/01/2022.

3. Thủ tục “**Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19**”

3.1. Sửa đổi, bổ sung về điều kiện hỗ trợ tại Điều 17 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg như sau:

- Làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc vì lý do theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc một trong các trường hợp sau: phải điều trị COVID-19, cách ly y tế, trong các khu vực bị phong tỏa hoặc không thể đến địa điểm làm việc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; do người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết 128/NQ-CP hoặc bố trí lại sản xuất, lao động để phòng, chống dịch COVID-19 từ 14 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) **tại tháng người lao động ngừng việc** hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc.

Như vậy, chính sách này đã nói lỏng đối với những địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg được hưởng hỗ trợ đồng thời mở rộng các lý do người lao động phải ngừng việc nhưng vẫn được hỗ trợ.

3.2. Sửa đổi, bổ sung về hồ sơ đề nghị tại khoản 3 Điều 19 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg như sau:

Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg thì bổ sung thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền.

3.3. Sửa đổi, bổ sung về trình tự thủ tục tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg như sau:

“1. Người sử dụng lao động lập danh sách, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về danh sách người lao động theo quy định tại Điều 19 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề

nghi, cơ quan BHXH xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

2. Người sử dụng lao động gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg đến UBND cấp huyện nơi đặt trụ sở chính **hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh**. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31/01/2022.”

4. Chính sách “Hỗ trợ người lao động chấm dứt HĐLĐ, nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19”

Sửa đổi, bổ sung về điều kiện hỗ trợ tại Điều 21 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg như sau:

NLĐ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thuộc một trong các trường hợp sau: phải cách ly y tế, trong các khu vực bị phong tỏa hoặc không thể đến địa điểm làm việc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19; do NSDLĐ bị tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc NSDLĐ có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP hoặc bố trí lại sản xuất, lao động để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia BHXH bắt buộc của cơ quan BHXH) tại tháng NLĐ chấm dứt hợp đồng lao động hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.

- Chấm dứt HĐLĐ trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ các trường hợp sau:

- + Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.
- + Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.”

Như vậy, đối với chính sách đã mở rộng phạm vi áp dụng đối với những địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg đồng thời mở rộng các lý do người dẫn đến người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động để được hỗ trợ.

5. Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế, hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật”.

Bổ sung chính sách hỗ trợ tiền mặt đối với người cao tuổi và người khuyết tật như sau: *Người cao tuổi và người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ*, phải điều trị nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

(F1) thì được ngân sách Nhà nước hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người trong thời gian điều trị, cách ly từ ngày 27/4/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

5.1. Hồ sơ đề nghị tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 27 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F0 điều trị tại cơ sở y tế gồm:

Ngoài danh sách F0 đủ điều kiện hưởng chính sách nay sửa đổi mở rộng thêm các loại giấy tờ: Giấy ra viện hoặc giấy chứng tử của cơ sở y tế hoặc văn bản xác nhận của cơ sở y tế; Bản sao một trong các giấy tờ: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, giấy xác nhận mức độ khuyết tật.

Đối với trường hợp mất hoặc không mang theo các giấy tờ trên thì thay thế bằng giấy cam kết chịu trách nhiệm về thông tin của F0, cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em cung cấp cho cơ sở y tế.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F1 thực hiện cách ly y tế tại cơ sở cách ly gồm: Danh sách F1 đủ điều kiện hưởng chính sách; Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cách ly y tế; Bản sao một trong các giấy tờ: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, giấy xác nhận mức độ khuyết tật.

Đối với trường hợp mất hoặc không mang theo các giấy tờ trên thì thay thế bằng giấy cam kết chịu trách nhiệm về thông tin của F1, cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em cung cấp cho cơ sở cách ly.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, F1 cách ly tại nhà, F0 điều trị tại nhà gồm:

+ Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã hoặc của cơ quan y tế về việc cách ly y tế tại cơ sở cách ly, cách ly tại nhà hoặc điều trị tại nhà.

+ Giấy xác nhận hoàn thành việc cách ly đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành hoặc cách ly tại nhà; xác nhận hoàn thành điều trị tại nhà hoặc xác nhận thời gian điều trị tại nhà đối với F0.

+ Bản sao một trong các giấy tờ: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, giấy xác nhận mức độ khuyết tật.

+ Phiếu thu hoặc biên lai hoặc giấy xác nhận thu tiền ăn tại cơ sở cách ly đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.”

5.2. Trình tự thủ tục tại Điểm b Khoản 5 Điều 27 Quyết định 23/2021/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung như sau:

Đối với trường hợp F0 đã kết thúc điều trị trước ngày 07/7/2021, F1 đã hoàn thành cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, F1 cách ly tại nhà đã hoàn thành cách ly, F0 điều trị tại nhà đã kết thúc điều trị:

- Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, các trường hợp F0, F1 gửi hồ sơ quy định tới UBND cấp xã nơi cư trú. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31/01/2022.

- Trước ngày 05 và ngày 20 hằng tháng, UBND cấp xã tổng hợp, lập danh sách (Mẫu số 8a, 8b) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi UBND cấp huyện.

- Trong 04 ngày làm việc, UBND cấp huyện tổng hợp, phê duyệt danh sách và chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh

Nghị quyết 126/NQ-CP và Quyết định 33/2021/QĐ-TTg bổ sung hỗ trợ đối với hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyên, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh. Tuy nhiên căn cứ tại tiết 3 khoản 21 Điều 1 Quyết định 33/2021/QĐ-TTg quy định: Không áp dụng đối với những trường hợp đã được địa phương quy định là đối tượng hỗ trợ theo chính sách tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP (chính sách lao động tự do). Như vậy, tại tỉnh Đồng Nai các đối tượng trên đã được hỗ trợ theo Quyết định 2379/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 và Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh do vậy không xét hỗ trợ bổ sung đối với các đối tượng trên theo chính sách hộ kinh doanh.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện một số chế độ hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid -19 theo Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ- TTg. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (qua phòng Chính sách lao động) để được hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc tổng hợp ý kiến đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh (để báo cáo);
 - LĐLĐ tỉnh;
 - Ban quản lý các KCN tỉnh;
 - BHXH tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Sở Thông tin và truyền thông;
 - Phòng LĐTB&XH các huyện, thành phố;
 - Giám đốc và PGĐ Sở;
 - Lưu: VT, CSLĐ.
- (để biết và phối hợp)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hiền